TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2025/HC-PT
Ngày 18/4/2025.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Phạm Tấn Hoàng**
ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Đinh Tiến Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 73/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 907/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Trương Công B - sinh năm 1970 và bà Phạm Thị L - sinh năm 1977; cùng trú tại địa chỉ: thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Phạm Hữu H - sinh 1997; địa chỉ: số E đường Q, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản uỷ quyền ngày 08/01/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E.

Địa chỉ: số I đường T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đình C - chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E (văn bản ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 02/4/2024). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Viết Ngọc P - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E. Có đơn xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện E;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Quốc T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện E; địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (văn bản ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 28/6/2024). Vắng mặt.

- Công ty TNHH MTV L1.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Phi T1 - chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách, điều hành công ty; địa chỉ: số B đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: ông Phạm Hữu H là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Trương Công B và bà Phạm Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Trương Công B, bà Phạm Thị L là gia đình có đất bị thu hồi để thi công dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường C - Buôn M, giai đoạn 1, diện tích bị thu hồi là 3.953m2 tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91. Gia đình ông B nhận được Quyết định số 420/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện E ban hành ngày 09/11/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, gia đình ông B không đồng ý một phần Quyết định này, bởi vì:

Diện tích đất bị thu hồi do ông B khai hoang từ năm 1996 và đã làm nhà ở ổn định từ đó đến nay. Việc gia đình ông B ở tại địa phương và sử dụng thửa đất từ năm 1996 đến nay đã được Công an xã C xác nhận ngày 14/6/2011, có những hộ dân sống xung quanh làm chứng. Ngoài diện tích đất ở thì từ năm 1998 đến năm 2020, gia đình ông B còn trồng cây hoa màu hàng năm trên đất, từ năm 2020 thì gia đình bắt đầu trồng cây ăn trái như vải, chanh dây đang cho thu hoạch. Việc sử dụng đất của gia đình không có tổ chức, cơ quan nào ngăn cấm, không tranh chấp với ai. Ủy ban nhân dân huyện E xác định thời điểm sử dụng đất của gia đình ông B là lấn chiếm sử dụng liên tục từ năm 2005 đến nay vào mục đích nông nghiệp đối với diện tích 431,7m2 và lấn chiếm từ năm 2015 đến nay với diện tích 3521,3m2 là không có cơ sở, trái quy định pháp luật. Kể cả việc có lấn chiếm thì căn cứ khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định "Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông

nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trịnh hạ tầng công cộng thì người sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất". Như vậy, trường hợp không có quy hoạch thực hiện dự án thì diện tích đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91 đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi Nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải được bồi thường. Vì vậy, ông Trương Công B và bà Phạm Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thi hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành quyết định để bồi thường về đất, tài sản và cây trồng gắn liền với đất theo quy định, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Trương Công B, bà Phạm Thị L đúng theo quy định của pháp luật.

* Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E là ông Lê Đình C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T3:

Nguồn gốc sử dụng đất: hộ ông Trương Công B sử dụng 3.953m2 đất thuộc phạm vi thu hồi tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91 theo trích lục bản đồ địa chính số 4758/TL-CNEK-KTĐC do chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E cấp ngày 05/10/2023. Căn cứ Giấy xác nhận số 235/GXN-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã C xác nhận hộ ông Trương Công B.

Về nguồn gốc sử dụng đất: diện tích 431,7m2 lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2005. Diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Công ty L1 giao cho UBND huyện E quản lý; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP từ năm 2005 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Diện tích 3.521,3m2 lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2015 (theo công văn số 74/CV-Cty ngày 26/7/2023 của Công ty TNHH MTV L1). Diện tích đất do Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc cho Lâm trường L1 thuê 137.935.686m2 đất; xác định việc sử dụng đất ổn định theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP từ năm 2015 đến nay sử dụng liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Đối với yêu cầu bồi thường về đất: căn cứ khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi

đất không được bồi thường về đất; căn cứ Giấy xác nhận số 235/GXN-UBND ngày 16/10/2023 của UBND xã C xác nhận hộ ông Trương Công B, xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của hộ gia đình ông B không đủ điều kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Đối với hỗ trợ về đất: căn cứ khoản 2 Điều 20 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; căn cứ Giấy xác nhận số 235/GXN-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã C xác nhận hộ ông Trương Công B thì: diện tích 431,7m2 lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2005 được hỗ trợ 50% về đất theo điểm c khoản 2 Điều 20; diện tích 3.521,3m2 lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2015 không được xem xét hỗ trợ về đất theo điểm d khoản 2 Điều 20.

Đối với hỗ khác về cây trồng: căn cứ khoản 5 Điều 20 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; căn cứ Giấy xác nhận số 235/GXN-UBND ngày 16/10/2023 của UBND xã C xác nhận hộ ông Trương Công B thì: diện tích 431,7m2 lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2005 được hỗ trợ 60% về cây trồng theo điểm c khoản 5 Điều 20; diện tích 3.521,3m2 lấn chiếm sử dụng đất từ năm 2015 được hỗ trợ 60% về cây trồng theo điểm d khoản 2 Điều 20. Việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư dự án thành phần C thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1; Quyết định số 423/QĐ-UBND, Quyết định số 426/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư dự án thành phần C thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma T2 giai đoạn 1 đối với hộ ông B là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông B là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã C là ông Đặng Quốc T trình bày: về nguồn gốc sử dụng đất trên địa bàn xã C: hiện toàn bộ diện tích đất của xã C do địa phương và Công ty TNHH MTV L1; Công ty TNHH T4 quản lý, sử dụng; trong đó: ngoài phần diện tích đất do hai công ty quản lý, sử dụng thì phần diện tích đất còn lại được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi quyền sử dụng đất của Lâm trường L1 (nay là Công ty TNHH MTV L1) trả về địa phương quản lý theo các Quyết định số 2406/QĐ-UB ngày 05/9/2002; Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003; Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 và Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 24/3/2016. Như vậy, toàn bộ diện tích đất do Ủy ban

nhân dân xã C quản lý đều có nguồn gốc là đất của Lâm trường Ea Kar (nay là Công ty TNHH MTV L1).

Các quy định về xác nhận nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản trên đất: theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và Điều 12 Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì người sử dụng đất phải có trách nhiệm cung cấp hồ sơ giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E (tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các công trình dự án đang triển khai trên địa bàn xã C). Sau khi kiểm tra đất đai, đo đạc kiểm đếm tài sản gắn liền với đất, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E chuyển toàn bộ hồ sơ của hộ gia đình làm cơ cở Ủy ban nhân dân xã C kiểm tra xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất.

Việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất đối với các thửa đất của hộ gia đình ông B: theo hồ sơ kiểm đếm của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E cung cấp thì hộ gia đình ông B là chủ sử dụng đất của thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91 thuộc thôn F, tờ bản đồ số 91, diện tích thu hồi 3.812,5m2, loại đất hiện trạng CLN. Diện tích thu hồi thuộc đất Công ty L1 quản lý 3.381,1m2. Diện tích Công ty L1 quản lý đã trả về địa phương theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Lâm trường Ea Kar giao cho UBND huyện E quản lý là 431,4m2. Trong hồ sơ kiểm đếm Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E cung cấp không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông B theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Do đó, Ủy ban nhân dân xã C căn cứ khoản 2, 3 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Mục 3 Công văn số 8668/UBND-NNMT ngày 24/9/2020 của UBND tỉnh Đ để xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản trên đất của hộ gia đình ông B.

Bên cạnh đó, theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ thì trường hợp sử dụng đất của hộ gia đình ông B tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91 là tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai cho phép và tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép. Vì vậy, đối với phần diện tích đất bị thu hồi 431,4m2 tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91 thì qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân xã C, diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này được trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Kết quả lồng ghép và kiểm tra các loại bản đồ thì theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2005, diện tích đất này thuộc khu vực đất trồng cây hàng năm, mã loại đất NHK. Do đó, Ủy ban nhân dân xã C xác nhận diện tích đất 431,4m2 là lấn chiếm sử dụng từ năm 2005. Đối với phần diện tích đất bị thu hồi 3.381,1m2 tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91 thì qua kiểm tra hồ sơ địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân xã C, diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH MTV L1 theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Kết quả lồng ghép và kiểm tra các loại bản đồ thì theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2005, diện tích đất này thuộc khu vực đất rừng tự nhiên, mã loại đất RSN. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Đất đai năm 2013 về người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất thì Công ty L1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Do đó, thời điểm các hộ gia đình, cá nhân lấn chiếm đất để sử dụng phải căn cứ trên cơ sở xác nhận thời điểm lấn, chiếm của Công ty L1. Căn cứ công văn số 74/CV-Cty ngày 26/7/2023 của Công ty L1 thì hộ gia đình ông B lấn chiếm phần diện tích đất 3.381,1m2 sử dụng từ năm 2015 đến nay. Do đó, Ủy ban nhân dân xã C xác nhận diện tích đất 3.381,1m2 là lấn chiếm sử dụng từ năm 2015. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Công ty TNHH MTV L1 do ông Nguyễn Phi T1 là người đại diện theo pháp luật trình bày: căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc cho Công ty L1 thuê 137.935.686m2 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp. Kết quả kiểm kê rừng năm tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh; kết quả cập nhật diễn biến rừng hàng năm của Công ty đã phê duyệt; các hồ sơ lưu trữ tại Công ty hiện có; tham chiếu hệ thống ảnh vệ tinh hàng năm trên hệ thống; kết quả đo đếm rà soát đất đai theo đơn đặt của các đơn vị tư vấn; kết quả kiểm đếm cây lâu năm và cây rừng trên diện tích đất thu hồi của hộ gia đình, Công ty đã có công văn số 74/CV-Cty ngày 26/7/2023 xác nhận diện tích 3.521,3m2 lấn chiếm sử dụng đất năm 2015. Diện tích đất này do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho Công ty TNHH MTV L1 thuê theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 để sử dụng vào mục đích nông nghiệp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206 của Luật Tố tụng Hành chính 2015; các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 75, 77, 82, khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai 2013;

Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công B và bà Phạm Thị L về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thi hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1 đối với hộ gia đình ông Trương Công B và bà Phạm Thị L.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại Quyết định để bồi thường về đất, tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Trương Công B, bà Phạm Thị L theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2024, ông Phạm Hữu H là người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Công B và bà Phạm Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phạm Hữu H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Phạm Hữu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C và Công ty TNHH MTV L1 đều vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Hữu H với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công B và bà Phạm Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc sử dụng đất: theo Kết quả xác nhận số 235/GXN-UBND ngày 16/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã C thì hộ ông Trương Công B, bà Phạm Thị L bị thu hồi 3.953,0m2 tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 91, trong đó có:

431,7m2 thuộc diện tích đất trả về địa phương quản lý theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc thu hồi quyền sử dụng đất 2.672,3ha đất Công ty L1 giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý, còn lại 3.521,3m2 đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L1 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 và Công ty L1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất mà hộ ông B sử dụng có nguồn gốc từ việc lấn chiếm đất đã được Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV L1 và một phần đất do địa phương quản lý. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định thu hồi đất của Công ty L1 và đất do Ủy ban nhân dân huyện E quản lý, không phải thu hồi đất nông nghiệp của cá nhân nên hộ ông B, bà L không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013. Ông B, bà L cho rằng toàn bộ diện tích đất mà ông, bà bị thu hồi có nguồn gốc do ông, bà khai hoang vào năm 1996, sử dụng ổn định vào mục đích nông nghiệp cho đến thời điểm thu hồi đất. Tuy nhiên, ông B và bà L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đất khai hoang từ năm 1996. Xét việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 không bồi thường về đất, cây trồng, tài sản trên đất, không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất và không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ ông B, bà L là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E của ông Phạm Hữu H.

[2.2] Đối với hỗ trợ về đất: hộ ông B lấn chiếm sử dụng diện tích 431,7m2 đất từ năm 2005 nên được hỗ trợ bằng 50% về đất; lấn chiếm sử dụng diện tích 3.521,3m2 đất từ năm 2015 nên không được xem xét hỗ trợ về đất, là đúng quy định tại các điểm c, đ khoản 2 Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

[2.3] Đối với hỗ trợ cây trồng, tài sản trên đất: quá trình cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, có tiến hành kiểm kê, kiểm đếm cây trồng, tài sản trên đất, hộ ông B không có ý kiến gì. Quá trình khởi kiện, người khởi kiện cũng không có ý kiến gì về thủ tục hay các biên bản kiểm kê, kiểm đếm tài sản, cây trồng. Xét việc Ủy ban nhân dân huyện E đã hỗ trợ về cây trồng đối với diện tích lấn chiếm sử dụng 431,7m2 đất từ năm 2005 bằng 60%, diện tích lấn chiếm sử dụng 3.521,3m2 đất từ năm 2015 bằng 30%, là đúng quy định tại các điểm c, d khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Do đó, ông B và bà L yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành lại Quyết định để bồi thường về đất, tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống và sản

xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông theo quy định pháp luật, là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công B và bà Phạm Thị L là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phạm Hữu H như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Công B và bà Phạm Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của ông Phạm Hữu H là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Trương Công B và bà Phạm Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 158/2024/HC-ST ngày 09/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 75, 77, 82, khoản 1 Điều 92 của Luật Đất đai 2013; Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Công B và bà Phạm Thị L về việc yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thi hồi đất để thi công công trình dự án đầu tư dự án thành phần C thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn M giai đoạn 1 đối với hộ gia đình ông Trương Công B và bà Phạm Thị L.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại Quyết định để bồi thường về đất, tài sản và cây trồng gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Trương Công B, bà Phạm Thị L theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: ông Trương Công B và bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014084 ngày 07/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông Trần Ngọc H1 nộp thay).

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Liên